PHÒNG GD& ĐT THỊ XÃ BẾN CÁT
TRƯỜNG THCS AN ĐIỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số :08/QĐ-THCSAĐ

An Điền , ngày 13 tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết ngân sách Quý 1 năm 2020 của Trường THCS An Điền

Căn cứ nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào tình hình thu chi ngân sách của Nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai số liệu quyết toán quý 1 ngân sách năm 2020 của trường THCS An Điền (theo biểu đính kèm)

Điều 2: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Kế hoạch tài vụ và các Phòng, Ban liên quan thuộc và trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- PGD& ĐT TX Bến Cát;
- Lưu: TC- VT.

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TX. BẾN CÁT - T. BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ AN ĐIỀN

Nguyễn Văn Hiệp

Biểu số :04 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính

ĐƠN VỊ : THCS AN ĐIỀN
CHƯƠNG : 622 , LOẠI:490

CÔNG KHAI
QUYẾT TOÁN THU- CHI NSNN QUÝ 01/2020

(kèm theo quyết định số .08./ ngày 13 /4 /2020 của Trường THCS An Điền)

Đvt: đồng

TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
	Dự toán chi ngân sách nhà Nước				
1	**Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên**	**1.048.329.223**	**1.048.329.223**		
6000	**Tiền lương**	**541.793.800**	**541.793.800**		
1	*Lương ngạch bậc*	281.699.400	281.699.400		
3	*Lương hợp đồng*	260.094.400	260.094.400		
6050	**Trả lương cho vị trí lao động**	**18.684.600**	**18.684.600**		
1	*Tiền công trả cho vị trí lao động theo hợp đồng*	18.684.600	18.684.600		
6100	**Phụ cấp**	**247.017.942**	**247.017.942**		
1	*Phụ cấp chức vụ*	12.963.000	12.963.000		
12	*Ưu đãi*	147.531.723	147.531.723		
13	*Traách nhiệm*	1.341.000	1.341.000		
15	*Thâm niên vượt khung*	85.182.219	85.182.219		
6300	**Các khoản đóng góp**	**154.498.426**	**154.498.426**		
1	*BHXH 17.5%*	115.259.133	115.259.133		
2	*BHYT 3%*	19.758.708	19.758.708		
3	*KPCĐ 2%*	13.172.472	13.172.472		
4	*BHTN 1%*	6.308.113	6.308.113		
6250	**Phúc lợi tập thể**	**520.000**	**520.000**		
99	*Chi khác*	520.000	520.000		
6500	**Dịch vụ công cộng**	**12.216.535**	12.216.535		
1	*Điện*	12.216.535	12.216.535		
6550	**Vật tư văn phòng**	**16.150.520**	**16.150.520**		
51	*Văn phòng phẩm*	4.609.000	4.609.000		
99	*Vật tư khác*	11.541.520	11.541.520		
6600	**Thông tin liên lạc**	**3.482.000**	**3.482.000**		
1	*Điện thoại*	132.000	132.000		
5	*Cước Internet*	1.650.000	1.650.000		
18	*Khoán điện thoại*	1.200.000	1.200.000		
49	*Khác*	500.000	500.000		
6700	**Công tác phí**	**3.000.000**	**3.000.000**		
4	*Khoán công tác phí*	3.000.000	3.000.000		
6750	**Chi phí thuê mướn**	**25.496.000**	25.496.000		
99	*Thuê mướn khác*	25.496.000	25.496.000		
6900	**Sửa chữa thường xuyên**	**440.000**	**440.000**		
21	*Đường điện, cấp thoát nước*	440.000	440.000		
7000	**Chi phí NVCM**	**15.339.000**	**15.339.000**		
1	*Vật tư chuyên môn*	897.000	897.000		
49	*Chi khác*	14.442.000	14.442.000		
7050	**Mua tài sản vô hình**	**900.000**	**900.000**		

53	*Bao t rì phần mềm công nghệ thông tin*	900.000	900.000		
7750	**Chi khác**	**8.790.400**	**8.790.400**		
56	*Chi phí ,lệ phí*	290.400	290.400		
99	*Chi khác*	8.500.000	8.500.000		
3	**Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên**	**244.898.785**	**244.898.785**		
6300	**Các khoản đóng góp**	**16.671.135**	**16.671.135**		
1	*BHXH 17,5%*	12.414.675	12.414.675		
2	*BHYT 3%*	2.128.230	2.128.230		
3	*KPCĐ 2%*	1.418.820	1.418.820		
4	*BHTN 1%*	709.410	709.410		
6400	**Các khoản thanh toán cho cá nhân**	**28.321.650**	**28.321.650**		
49	*Trợ cấp, phụ cấp khác*	28.321.650	28.321.650		
6550	**Vật tư văn phòng**	**42.965.000**	**42.965.000**		
99	*Vật tư văn phòng khác*	42.965.000	42.965.000		
6750	**Chi phí thuê mướn**	**70.941.000**	**70.941.000**		
57	*Thuê lao động trong nước*	70.941.000	70.941.000		
7750	**Chi khác**	**86.000.000**	**86.000.000**		
99	*Chi khác*	86.000.000	86.000.000		
	Tổng cộng	**1.293.228.008**	**1.293.228.008**		

An Điền , ngày 15 tháng 4 năm 2020

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Kế toán

Dương Thị Quế An

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TX.BẾN CÁT-T.BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ AN ĐIỀN

Nguyễn Văn Hiệp

Biểu số :03 - Ban hành kèm theo thông tư số 90 ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính

ĐƠN VỊ : THCS AN ĐIỀN
CHƯƠNG : 622 , LOẠI:490

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÍ 1 NĂM 2020

Căn cứ Nghị định số 163/2016 NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Trường THCS An Điền công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý 1 năm 2020 như sau

Đvt: đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện	Ước Thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước Thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
	Dự toán chi ngân sách nhà Nước				
1	**Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên**	**4.997.346.849**	**1.048.329.223**		
6000	**Tiền lương**	**2.251.366.659**	**541.793.800**		
1	*Lương ngạch bậc*	1.215.482.400	281.699.400		
3	*Lương hợp đồng*	1.035.884.259	260.094.400		
6050	**Trả lương cho vị trí lao động**	**74.738.400**	**18.684.600**		
1	*Trả lương hợp đồng*	74.738.400	18.684.600		
6100	**Phụ cấp**	**995.048.820**	**247.017.942**		
1	*Phụ cấp chức vụ*	51.852.000	12.963.000		
12	*Ưu đãi*	589.859.412	147.531.723		
13	*Trách nhiệm*	8.940.000	1.341.000		
15	*Thâm niên vượt khung*	344.397.408	85.182.219		
49	*Khác*	-	0		
6300	**Các khoản đóng góp**	**640.192.970**	**154.498.426**		
1	*BHXH 17.5%*	476.851.702	115.259.133		
2	*BHYT 3%*	81.670.634	19.758.708		
3	*KPCĐ 2%*	54.447.089	13.172.472		
4	*BHTN 1%*	27.223.545	6.308.113		
6250	**Phúc lợi tập thể**	**5.000.000**	**520.000**		
99	*Trà nước giáo viên*	5.000.000	520.000		
6400	**Các khoản thanh toán cá nhân**	**22.528.800**	-		
04	*Chi thu nhập tăng thêm*		0		
49	*Hỗ trợ giáo viên thể dục ngoài trời*	22.528.800	0		
6500	**Dịch vụ công cộng**	**123.720.000**	**12.216.535**		
01	*Điện*	120.000.000	12.216.535		
03	*Xăng*	1.320.000	0		
04	*VSMT*	2.400.000	0		
6550	**Vật tư văn phòng**	**210.000.000**	**16.150.520**		
51	*Văn phòng phẩm*	84.000.000	4.609.000		
52	*Công cụ, dụng cụ văn phòng*	30.000.000	0		
99	*Vật tư khác*	96.000.000	11.541.520		
6600	**Thông tin liên lạc**	**22.000.000**	**3.482.000**		
1	*Điện thoại*	3.600.000	132.000		
5	*Cước Internet*	6.600.000	1.650.000		
18	*Khoán Điện thoại*	4.800.000	1.200.000		
49	*Thông tin liên lạc khác*	7.000.000	500.000		

6700	**Công tác phí**	**52.900.000**	**3.000.000**		
1	*Tiền tàu xe*	7.500.000			
2	*Phụ cấp công tác phí*	25.000.000			
3	*Thuê phòng ngủ*	8.400.000			
4	*Khoán công tác phí*	12.000.000	3.000.000		
6750	**Chi phí thuê mướn**	**133.700.000**	**25.496.000**		
51	*Vận chuyển*	20.000.000			
58	*Thuê đào tạo lại cán bộ*	15.000.000			
99	*Thuê dọn dẹp vệ sinh*	98.700.000	25.496.000		
6900	**Sửa chữa thường xuyên**	**151.000.000**	**440.000**		
12	*Thiết bị công nghệ thông tin*	18.000.000			
13	*Tài sản và thiết bị văn phòng*	18.000.000			
21	*Đường điện, cấp thoát nước*	45.000.000	440.000		
49	*Máy móc, thiết bị khác*	70.000.000			
7000	**Chi phí NVCM**	**226.547.000**	**15.339.000**		
1	*Vật tư chuyên môn*	70.000.000	897.000		
4	*Đồng phục, trang phục*	3.780.000			
49	*Chi khác*	152.767.000	14.442.000		
7050	**Mua sắm tài sản vô hình**	**10.000.000**	**900.000**		
53	*Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin*	10.000.000	900.000		
7750	**Chi khác**	**78.004.200**	**8.790.400**		
56	*Chi phí lệ phí*	1.135.200	290.400		
61	*Chi tiếp khách*	4.000.000			
64	*Chi lập quỹ khen thưởng*	39.069.000			
99	*Chi khác*	33.800.000	8.500.000		
7850	**Chi công tác Đảng**	**600.000**	**0**		
7799	*Chi trợ cấp bí thư*	600.000	0		
2	**Kinh phí nguồn CCTL 14**	**76.000.000**	-		
6000	**Tiền lương**	**76.000.000**	-		
1	*Lương ngạch bậc*	76.000.000			
3	**Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên**	**1.782.625.360**	**244.898.785**		
6150	**Hỗ trợ học sinh nghèo**	**67.500.000**	**0**		
57	*Hỗ trợ học sinh nghèo*	67.500.000			
6300	**Các khoản đóng góp**	**63.063.660**	**16.671.135**		
1	*BHXH 17.5%*	46.962.300	12.414.675		
2	*BHYT 3%*	8.050.680	2.128.230		
3	*KPCĐ 2%*	5.367.120	1.418.820		
4	*BHTN 1%*	2.683.560	709.410		
6400	**Các khoản thanh toán cá nhân**	**838.242.360**	**28.321.650**		
49	*Trợ cấp, phụ cấp khác*	838.242.360	28.321.650		
6550	**Vật tư văn phòng**	**95.000.000**	**42.965.000**		
99	*Mua vật tư văn phòng phòng chống Covid*	95.000.000	42.965.000		
6750	**Chi phí thuê mướn**	**318.356.000**	**70.941.000**		
57	*Thuê lao động trong nước*	268.356.000	70.941.000		
58	*Đào tạo*	50.000.000			
6950	**Mua sắm tài sản phục vụ chuyên môn**	**284.000.000**	**0**		
6955	*Dàn âm thanh ngoài trời*	35.000.000			
6955	*Máy photo siêu tốc (in đề thi)*	130.000.000			
6955	*Lắp đặt 17 phòng học hệ thong loa nghe AV*	119.000.000			
7000	**Nghiệp vụ chuyên môn**	**1.200.000**	**0**		
04	*Đồng phục, trang phục bảo vệ*	1.200.000			
7750	**Chi khác**	**115.263.340**	**86.000.000**		

57	*Chi bao hiểm*	16.463.340			
99	*Tiền Tết*	88.000.000	86.000.000		
99	*Cấp bù học phí*	10.800.000			
	Tổng cộng	**6.855.972.209**	**1.293.228.008**		

An Điền , ngày 13 tháng 4 năm 2020

LẬP BẢNG

Dương Thị Quế An

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TX. BẾN CÁT - T. BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ AN ĐIỀN

Nguyễn Văn Hiệp

Biểu số: 04 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính

ĐƠN VỊ: THCS AN ĐIỀN

CHƯƠNG: 622 , LOẠI: 490

CÔNG KHAI
QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN KHÁC THÁNG 01 NĂM 2020

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
	Nguồn khác				
I	**Tồn chuyển sang**	**131.400.680**	**131.400.680**		
1	Tiền quỹ phúc lợi	4.355.200	4.355.200		
2	Tiền quỹ nhân đạo	8.810.000	8.810.000		
3	Tiền bảo hiểm y tế	7.080.480	7.080.480		
4	Tiền dạy thêm học thêm	10.145.000	10.145.000		
5	Tiền hội phụ huynh học sinh	101.010.000	101.010.000		
II	**Tổng số thu**	**10.833.000**	**10.833.000**		
1	Tiền quỹ phúc lợi	10.833.000	10.833.000		
2	Tiền quỹ nhân đạo		-		
3	Tiền bảo hiểm y tế		-		
4	Tiền dạy thêm học thêm		-		
5	Tiền hội phụ huynh học sinh	-	-		
III	**Tổng số chi**	**20.065.480**	**20.065.480**		
1	Tiền quỹ phúc lợi	1.085.000	1.085.000		
2	Tiền quỹ nhân đạo	1.600.000	1.600.000		
3	Tiền bảo hiểm y tế	7.080.480	7.080.480		
4	Tiền dạy thêm học thêm	-	-		
5	Tiền hội phụ huynh học sinh	10.300.000	10.300.000		
IV	**Tổng số tồn**	**122.168.200**	**122.168.200**		
1	Tiền quỹ phúc lợi	14.103.200	14.103.200		
2	Tiền quỹ nhân đạo	7.210.000	7.210.000		
3	Tiền bảo hiểm y tế	-	-		
4	Tiền dạy thêm học thêm	10.145.000	10.145.000		
5	Tiền hội phụ huynh học sinh	90.710.000	90.710.000		

An Điền, ngày 31 tháng 01 năm 2020

Kế toán

Dương Thị Quế An

Thủ trưởng đơn vị

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TX.BẾN CÁT-T.BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ AN ĐIỀN

Nguyễn Văn Hiệp

Biểu số: 04 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính

ĐƠN VỊ: THCS AN ĐIỀN

CHƯƠNG: 622 , LOẠI: 490

CÔNG KHAI
QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN KHÁC THÁNG 02 NĂM 2020

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
	Nguồn khác				
I	**Tồn chuyển sang**	**122.168.200**	**122.168.200**		
1	Tiền quỹ phúc lợi	14.103.200	14.103.200		
2	Tiền quỹ nhân đạo	7.210.000	7.210.000		
3	Tiền dạy thêm học thêm	10.145.000	10.145.000		
4	Tiền hội phụ huynh học sinh	90.710.000	90.710.000		
II	**Tổng số thu**	-	-		
1	Tiền quỹ phúc lợi		-		
2	Tiền quỹ nhân đạo		-		
3	Tiền dạy thêm học thêm		-		
4	Tiền hội phụ huynh học sinh	-	-		
III	**Tổng số chi**	**6.601.000**	**6.601.000**		
1	Tiền quỹ phúc lợi	3.601.000	3.601.000		
2	Tiền quỹ nhân đạo	3.000.000	3.000.000		
3	Tiền dạy thêm học thêm	-	-		
4	Tiền hội phụ huynh học sinh	-	-		
IV	**Tổng số tồn**	**115.567.200**	**115.567.200**		
1	Tiền quỹ phúc lợi	10.502.200	10.502.200		
2	Tiền quỹ nhân đạo	4.210.000	4.210.000		
3	Tiền dạy thêm học thêm	10.145.000	10.145.000		
4	Tiền hội phụ huynh học sinh	90.710.000	90.710.000		

An Điền, ngày 28 tháng 02 năm 2020

Kế toán

Dương Thị Quế An

Thủ trưởng đơn vị

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TX. BẾN CÁT - T. BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ AN ĐIỀN

Nguyễn Văn Hiệp

Biểu số: 04 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính

ĐƠN VỊ: THCS AN ĐIỀN

CHƯƠNG: 622 , LOẠI: 490

CÔNG KHAI
QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN KHÁC THÁNG 03 NĂM 2020

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
	Nguồn khác				
I	**Tồn chuyển sang**	**115.567.200**	**115.567.200**		
1	Tiền quỹ phúc lợi	10.502.200	10.502.200		
2	Tiền quỹ nhân đạo	4.210.000	4.210.000		
3	Tiền dạy thêm học thêm	10.145.000	10.145.000		
4	Tiền hội phụ huynh học sinh	90.710.000	90.710.000		
II	**Tổng số thu**	-	-		
1	Tiền quỹ phúc lợi		-		
2	Tiền quỹ nhân đạo		-		
3	Tiền dạy thêm học thêm		-		
4	Tiền hội phụ huynh học sinh	-	-		
III	**Tổng số chi**	-	-		
1	Tiền quỹ phúc lợi	-	-		
2	Tiền quỹ nhân đạo	-	-		
3	Tiền dạy thêm học thêm	-	-		
4	Tiền hội phụ huynh học sinh	-	-		
IV	**Tổng số tồn**	**115.567.200**	**115.567.200**		
1	Tiền quỹ phúc lợi	10.502.200	10.502.200		
2	Tiền quỹ nhân đạo	4.210.000	4.210.000		
3	Tiền dạy thêm học thêm	10.145.000	10.145.000		
4	Tiền hội phụ huynh học sinh	90.710.000	90.710.000		

An Điền, ngày 31 tháng 03 năm 2020

Kế toán | ***Thủ trưởng đơn vị***

Dương Thị Quế An

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TX. BẾN CÁT - T. BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ AN ĐIỀN

Nguyễn Văn Hiệp